TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HOÀ** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2023.
V/v: "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh Huyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chung
Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2023 về tranh chấp: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/3/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2023 giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị A, sinh năm: 1987

Trú tại: Thôn V, xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Ông Dương Văn B, sinh năm: 1988

Trú tại: Thôn V, xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc, nguyên đơn bà Lê Thị A trình bày*:** Bà và ông Dương Văn B đăng ký kết hôn năm 2012 tại Uỷ ban nhân dân xã X, thị xã N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 01/2012 ngày 17/12/2012. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên từ tháng 4/2017, ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, kình cãi do tính cách không hợp. Hai bên đã nhiều lần nói chuyện tìm cách hàn gắn mối quan hệ nhưng không được. Năm 2022, do mâu thuẫn quá trầm trọng, bà đã làm đơn yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Ninh Hoà giải quyết cho ly hôn với ông B, tuy nhiên vì thương con vì thế bà đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên từ đó đến nay cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông B không những không tốt hơn mà ngày càng trầm trọng. Từ tháng 4/2017 đến nay, ông bà đã không còn sống chung. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn vì vậy bà A đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung là các cháu Dương Thị Khánh N1, sinh ngày 01/10/2013 và Dương Gia N2, sinh ngày 15/4/2017. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân thị xã Ninh Hoà sau khi thụ lý vụ án đã triệu tập các đương sự đến tại trụ sở Toà án để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chỉ có mặt nguyên đơn bà Lê Thị A còn bị đơn ông Dương Văn B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Vì vậy, Toà án không thể lấy ý kiến cũng như tiến hành hoà giải cho các đương sự theo thủ tục được.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị A và cho bà Hạnh được ly hôn với ông B.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là các cháu Dương Thị Khánh N1, sinh ngày 01/10/2013 và Dương Gia N2, sinh ngày 15/4/2017 cho bà Lê Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hạnh không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Bà A phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình về ly hôn, con chung vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn V, xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Dương Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị A và ông Dương Văn B tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 01/2012 ngày 17/12/2012 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ban đầu ông bà có hạnh phúc. Tuy nhiên từ tháng 4/2017, ông bà bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất hoà. Bà Hạnh đã tìm nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được. Năm 2022 do mâu thuẫn quá trầm trọng, bà Hạnh đã nộp đơn ly hôn đến Toà án nhân dân thị xã Ninh Hoà, nhưng vì thương con còn nhỏ và muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình nên bà A đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau đó cuộc sống vợ chồng của ông bà không có sự thay đổi. Đến nay ông bà đã không còn sống chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cho ông B, tuy nhiên không nhận được bất kì ý kiến gì của ông. Vì thế có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Hôn nhân giữa bà Lê Thị A và ông Dương Văn B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Bà Lê Thị A và ông Dương Văn B có hai con chung là các cháu Dương Thị Khánh N1, sinh ngày 01/10/2013 và Dương Gia N2, sinh ngày 15/4/2017. Sau khi ly hôn, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2023 cháu Dương Thị Khánh N1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Lê Thị A. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao hai con chung cho bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hạnh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị A.

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị A được ly hôn ông Dương Văn B.

- Về con chung: Giao các cháu Dương Thị Khánh N1, sinh ngày 01/10/2013 và Dương Gia N2, sinh ngày 15/4/2017 cho bà Lê Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Dương Văn B không cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu.

Ông Dương Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị A không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị A phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005570 ngày 03/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Lê Thị A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã X;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu HS, AV.

Ngô Thị Thanh Huyền